

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 8 đến 14/11/2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-30mm, có nơi trên 50mm như trạm: Lạc Sơn (Phú Thọ) 57.2mm, Láng (Tp. Hà Nội) 58.7mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 6%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang ở mức thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn với TBNN cùng kỳ 20%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước do dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 41%. + Trên sông Hồng: Mức nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm những ngày đầu sau đó tăng do chịu điều tiết của các hồ chứa thủy điện tuyến trên; từ ngày 4-7/11 hồ Hòa Bình, hồ Tuyên Quang mở 01 cửa xả đáy, hồ Thác Bà mở lần lượt 01 và 02 cửa xả mặt). Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 18%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-40mm, có nơi trên 60mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái sẽ giảm và cao hơn TBNN cùng kỳ 3%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ giảm so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 10%. + - Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước và dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 48%. + Trên sông Hồng: Hạ lưu sông Hồng tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 129%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm như trạm: Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 86.2mm, Hiệp Hòa (Bắc Ninh) 50.4mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại

trạm Gia Bảy ít biến đổi so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 99%.

+ Trên sông Lục Nam: dòng chảy trên sông Lục Nam đang biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ ít biến đổi so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 29%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy giảm so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 64%.

+ Trên sông Lục Nam, dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo thấp hơn kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 9%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa và Nghệ An phổ biến 30-60mm, có nơi trên 80mm. Từ Hà Tĩnh đến Tp. Huế phổ biến 200-400mm, có nơi trên 700mm như trạm A Lưới (Tp. Huế) 716mm, Nam Đông (Tp. Huế) 849.4mm,...

Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 14%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn 8%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 149%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 183%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, trên các sông đã xuất hiện 1 đợt lũ. Đỉnh lũ trên các sông ở Quảng Trị ở mức trên BĐ2, có sông trên BĐ3, các sông ở thành phố Huế vượt mức BĐ3. Dòng chảy trên các sông tăng cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 221%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-40mm, có nơi trên 60mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN 18%, sông Cả tại Yên Thượng cao hơn 7%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 120%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 135%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần tới, dòng chảy trên các sông khả năng ít biến đổi và giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 45%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 100-400mm, có nơi trên 500mm như trạm Hội An (Đà Nẵng) 637.5mm, Trà My (Đà Nẵng) 571.9mm,...

Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, trên các sông đã xuất hiện 2 đợt lũ từ ngày 01-07/11. Đỉnh lũ trên các sông ở thành phố Đà Nẵng vượt mức BĐ3, đỉnh lũ các sông ở Quảng Ngãi ở mức trên BĐ2. Dòng chảy trên các sông tăng cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 179%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 160%.
+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, do ảnh hưởng của cơn bão 13 từ ngày 6-7/11, các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa đã xảy ra một đợt lũ, với biên độ lũ lên từ 1,6m đến 8,6m. Lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông tăng và cao hơn TBNN. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 76% , sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn cao hơn 28%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 22%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 730%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 117% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm.

Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần tới, dòng chảy trên các sông khả năng ít biến đổi và giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn và sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang thấp hơn khoảng từ 7-15%.
+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm trong các ngày đầu sau biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn cao hơn so với TBNN 90% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 30%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 70-150mm, có nơi trên 160mm như: trạm Buôn Hồ 163.7mm, Lắk 184.8mm.

Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, từ ngày 06/11, trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk đã xuất hiện 01 đợt lũ, lưu lượng trên các sông tăng cao trong giai đoạn này. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 64%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 47%.
+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-40mm, có nơi trên 60mm.

Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 75%, trên sông

Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 59%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn 40% so với TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn 38% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 15/11/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Phùng Tiến Dũng', written in a cursive style.

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/11

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	2.9	<92	9.5	26.6	2.3	1.3	0.3	0.3	0	40.3	<3
	Sơn La	3.4	<84	1.7	26.4	3.7	2.5	0	0	0	34.3	>158
	Hòa Bình	42.2	>63	17.3	29.1	0.2	0.3	0	0	0	46.9	>89
	Lào Cai	2.6	<94	20.5	11	2.1	0.7	0.2	0.1	0	34.6	<26
	Yên Bái	35.1	<11	10.2	8.7	1.5	1.2	0	0	0	21.6	>19
	Tuyên Quang	25.3	<54	19.3	16.1	0.2	0.4	0	0	0	36	>33
	Hà Giang	4	<76	13.5	8.5	2.8	1.6	0	0	0	26.4	>66
	Láng	58.7	>228	11.5	12.4	0	0	0	0	0	23.9	>59
	Thái Bình	20.2	<57	7	5.9	0.2	0.4	0	0	0	13.5	<73
	Nam Định	30.9	>79	13.7	5.4	0.2	0.1	0	0	0	19.4	<5
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	36	>20	19.4	6.9	1.3	1.2	0.1	0	0	28.9	>28
	Thái Nguyên	32.8	>9	9.1	6.2	0	0	0	0	0	15.3	<40
	Bắc Ninh	23.2	<35	10.1	5.1	0	0	0	0	0	15.2	<44
	Lạng Sơn	6.8	<80	1.2	12.5	0	0	0	0	0	13.7	<66
	Bắc Giang	10.7	<83	3	3.2	0	0	0	0	0	6.2	<86
	Hải Dương	11	<90	10.2	2	0.1	0	0	0	0	12.3	<88
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	17.3	<89	12.8	9.9	1.8	0.2	0.1	0	0	24.8	<84
	Bái Thượng	48.3	<72	8.5	2.8	0.2	0	0	0	0	11.5	<94
	Thanh Hóa	32.5	<73	9.7	4.3	0.5	0	0	0	0	14.5	<89
	Quỳ Châu	31.7	<47	10.7	7.9	1.7	0.2	0	0	0	20.5	<60
	Cửa Rào	63.4	<1	3.7	10.3	1.4	0.3	0	0	0	15.7	<62
	Đô Lương	86	>19	8.5	4.2	4.9	0.2	0	0	0	17.8	<63

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	117.7	>47	3.7	8.2	4.7	0.1	0	0	0.1	16.8	<77
	Hương Sơn	183.9	>164	4.4	7.2	2.3	0.1	0	0	0	14	<77
	Hương Khê	239.8	>62	3.5	7.1	5.8	1	0.1	0	0	17.5	<89
	Hà Tĩnh	577.3	>309	6.2	4.4	1.9	1.2	0.1	0	0.7	14.5	<92
	Đồng Hới	397.9	>223	4.1	3.7	2.3	1.2	0.4	0	9.1	20.8	<87
	Quảng Trị	303.8	>104	1.2	2	2.3	1.2	1.8	0	10.2	18.7	<89
	Nam Đông	849.4	>601	1.1	4.4	3.8	4.3	4.8	2.2	9.3	29.9	<67
	Huế	392.4	>72	1.6	2.3	1.6	0.8	2.7	0.2	9.8	19	<92
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	306.9	>56	2.3	1.1	0.6	0.1	0.3	0.2	15.2	19.8	<89
	Trà My	571.9	>55	4	3.6	2	0.3	0.7	0.1	20.9	31.6	<90
	Ba Tơ	181.3	<42	3.4	4.2	1.7	0.2	0.1	0	8.9	18.5	<94
	Quảng Ngãi	209.6	<12	1.6	1.9	0.5	0.3	0.3	0	17	21.6	<89
	Quy Nhơn	190.2	>12	1.5	2.3	0.8	0.5	1.2	0	1.4	7.7	<95
	An Khê	127.4	>7	4.1	1.9	0.4	2.8	1.2	0	0.1	10.5	<91
	Tuy Hòa	109.5	<48	2.1	1.2	2.3	1.8	0.1	0	1.9	9.4	<95
	Nha Trang	107.9	<28	0.8	2	1	5.9	3.8	0.1	0.1	13.7	<89
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	57	>76	7.2	0.2	0.6	1	0.2	0.1	0	9.3	<69
	Lắk	184.8	>336	5	5.7	1.8	1.8	5.3	0	0	19.6	<50
	Buôn Mê Thuật	141.1	>203	7	1.7	3.3	1.3	2.7	0	0	16	<55
	Biên Hòa	115	>61	3.3	4.6	3.1	4.7	3.9	8	0.1	27.7	<29
	Cần Thơ	36.2	<56	7.9	7	2.1	1.5	3.2	4.4	0.6	26.7	<44

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/11/2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				08/11	09/11	10/11	11/11	12/11	13/11	14/11	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Yên Bái	396	>6	55	57	52	45	40	34.0	29	312	>3
	Tuyên Quang	260	<20	40	39	38	37	36	35.0	34	258	<10
	Hồ Hòa Bình	957	>41	194	181	168	147	121	95.0	104	1010	>48
	Hà Nội	1268	>18	322	352	367	342	292	272	242	2189	>129
Lưu vực sông Thái Bình	Gia Bảy	64.1	>99	6.02	6.57	7.17	6.57	6.57	6.0	5.48	44.4	>64
	Chũ	15.5	<29	1.81	1.71	1.71	2.12	2	1.8	1.71	12.87	<9
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Cầm Thủy	224	> 14%	33.8	32.3	30.8	29.4	27.9	26.4	25.0	206	> 18
	Yên Thượng	449	< 8%	57.6	55.1	52.6	50.1	47.6	45.1	42.6	351	> 7
	Hòa Duyệt	517.7	> 183%	49.2	47.0	44.9	42.8	40.6	38.5	36.4	299	> 135
	Thượng Nhật	101	> 221	6.4	6.1	6	5.8	5.4	5.6	5.9	41.2	> 45
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Nông Sơn	1887	> 179	93.3	88.1	82.9	79.5	77.8	78.6	80.4	581	< 7
	Sơn Giang	1240	> 160	54.4	52.3	49.2	46.7	45.5	46.7	47.5	342	< 15
	Củng Sơn	810	>28	233	173	130	104	86.4	69.1	51.8	847	>90
	Đồng Trăng	83.46	>22	14.69	12.1	11.23	10.37	9.5	9.1	8.64	75.6	>30
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	37.99	< 64	4	3.46	3.54	3.23	3.31	3.0	2.86	23.1	< 75
	Giang Sơn	155.7	> 47	31.0	31.4	30.7	29.3	24.8	20.3	17.9	185	> 59
	Tân Châu			1993	1958	1915	1881	1846	1811	1777	13183	>40
	Châu Đốc			435	427	421	411	400	386.0	379	2859	>38